

New words	Transcription		Meaning
	/bi: m ni:d/		cần
	/ka:z/	(v)	gây ra
	/ 'tʃær.ɪ.ti/	(n)	từ thiện
	/di: ʃɒr.ɪ 'steɪ.ʃən/	(n)	sự phá rừng
	/ ,dɪs.ə 'piər/	(v)	biến mất
	/də eɪ 'sɜ:.veɪ/		tiến hành cuộc điều tra
	/ɪ 'fekt/	(n)	ảnh hưởng
	/ɪ ,lek 'trɪs.ɪ.ti/	(n)	điện
	/ 'en.ə.dʒi/	(n)	năng lượng
	/m 'vaɪ .rən .mən t/	(n)	môi trường
	/ɪks 'tʃeɪnd ʒ/	(v)	trao đổi
	/m 'vaɪt/	(v)	mời
	/ 'nætʃ.ər.əl/	(adj)	tự nhiên
	/pə 'lu:t/	(v)	làm ô nhiễm
	/pə 'lu: .ʃən/	(n)	sự ô nhiễm
	/ 'prez.ɪ.dənt/	(n)	chủ tịch
	/ ,ri: 'saɪ.kl /	(v)	tái chế
	/ ,ri: 'saɪ.klɪŋ bɪn/	(n)	thùng đựng đồ tái chế
	/rɪ 'dʒu:s/	(v)	giảm
	/ ,ri: 'fɪləbl/	(adj)	có thể bơm /làm đầy lại

	<i>/,ri: 'ju:z/</i>	(v)	tái sử dụng
	<i>/si: 'lev.əl/</i>	(n)	mực nước biển
	<i>/swɒp/</i>	(v)	trao đổi
	<i>/ræp/</i>	(v)	gói, bọc